TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DSST
Ngày 16/10/2018
Về tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Minh Chính**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đức**.

2. Bà **Bế Thị Hợi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hà Đức Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông **Lê Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/TLST-DS ngày 04/5/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 26/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: 198 T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông Trương Anh T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N Chi nhánh GL. Người được ủy quyền lại: Ông Hồ Hữu Ph, sinh năm 1970, chức vụ: Nhân viên Phòng giao dịch TP, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh tỉnh GL, địa chỉ: 92 T, thành phố P, tỉnh GL. Ông Hồ Hữu Ph có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Đình Q, sinh năm 1970, bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn M xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Bà L có mặt, ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2018 cũng như tại phiên tòa người được uỷ quyền lại của nguyên đơn ông Hồ Hữu Ph trình bày: Theo hợp

đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 243/17/CT/TP ngày 22/3/2017, Ngân hàng TMCP N cho vợ chồng ông Q, bà L vay số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay vốn là mua bán hàng nông sản, lãi suất cho vay 9,3%/năm, mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Để bảo đảm nghĩa vụ tiền vay, vợ chồng ông Q, bà L đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu riêng của mình được mô tả trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/03A/NHNT ngày 22/3/2017 đã được công chứng ngày 24/3/2017. Trong quá trình vay thì vợ chồng ông Q, bà L không thanh toán tiền gốc của món vay nên đến ngày 26/02/2018 đã chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu khách hàng trả nợ nhưng không trả. Nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Q, bà L phải trả cho ngân hàng số tiền gốc là 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi và lãi phạt tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/10/2018) là 275.195.992 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi hai đồng). Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản thế chấp đối với quyền sử dụng 01 lô đất tờ bản đồ số 20, thửa đất số 286B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 561912 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 07/5/2010 trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/03A/NHNT ngày 22/3/2017. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/03A/NHNT ngày 22/3/2017 được Công chứng tại Phòng công chứng số 1 thuộc Sở tư pháp tỉnh Gia Lai ngày 24/3/2017, trừ phần tài sản thế chấp đã rút như đã trình bày nêu trên.

- *Bị đơn bà Trần Thị Kim L trình bày*: Bà nhất trí như phần trình bày của đại diện Ngân hàng, theo đó vào ngày 22/3/2017 vợ chồng bà có ký hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 243/17/CT/TP với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh tỉnh Gia Lai để vay số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay vốn là mua bán hàng nông sản, khi vay vốn có thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng bà. Hiện tại do điều kiện khó khăn nên bà đề nghị Ngân nghị Ngân hàng cho bà có thời gian bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản xác minh đề ngày 07 tháng 5 năm 2018, Công an xã T xác định: Ông Lê Đình Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Ông Lê Đình Q sau khi được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các lần triệu tập đến tham gia phiên toà nhưng ông Q không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm;

nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn ông Quang không chấp hành các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về hợp đồng tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 3.300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh như theo thỏa thuận của hợp đồng. Đối với yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu xử lý một phần tài sản trong hợp đồng thế chấp, đề nghị Toà án đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nêu trên nhưng ông Quang vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP N có đơn khởi kiện yêu cầu ông Q và bà L thanh toán số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thôn M, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Chư Prông là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về số nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc còn thiếu là 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) theo như hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 243/17/CT/TP ngày 22/3/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn. Khi tham gia giao kết Hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả nợ, Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số 243/17/CT/TP ngày 22/3/2017 giữa nguyên đơn với bị đơn và bản chi tiết giao dịch thể hiện bị đơn còn nợ số tiền gốc như trên nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về số nợ lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi, lãi phạt quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trên số dư tính lãi 3.300.000.000 đồng từ ngày 25/01/2018 đến ngày 16/10/2018 theo mức lãi suất cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng là 9,3%/năm là 221.971.965 đồng và lãi phạt là 53.224.027 đồng, tổng cộng là 275.195.992 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 243/17/CT/TP ngày 22/3/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về lãi suất và lãi phạt nên nguyên đơn yêu cầu

bị đơn thanh toán lãi trên nghĩa vụ thanh toán tương đương với thời gian bị vi phạm và khoản quá hạn, lãi phạt là có căn cứ phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật tổ chức tín dụng, phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/03A/NHNT ngày 22/3/2017 được Công chứng tại Phòng công chứng số 1 Sở tư pháp tỉnh Gia Lai ngày 24/3/2017:

Nhận thấy nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản thế chấp đối với quyền sử dụng 01 lô đất tờ bản đồ số 20, thửa đất số 286B và toàn bộ tài sản gắn liền với đất được nêu trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/03A/NHNT ngày 22/3/2017 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với phần tài sản thế chấp còn lại trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/03A/NHNT ngày 22/3/2017 được Công chứng bao gồm: Quyền sử dụng đất đối với 03 lô đất tờ bản đồ số 08, 20 và 156 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 191102; Al 690819 và AN 581140 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/3/2005; 18/01/2008 và 30/3/2009, vị trí đất tại thôn 1, xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Quyền sử dụng đất đối với 01 lô đất tờ bản đồ số 20; thửa số 286A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W762018 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/7/2003 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, vị trí đất tại thôn 1, xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai thì việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng, mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do vậy, quá trình thi hành án, nếu bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp còn lại để thu hồi nợ.

Đối với ông Lê Đình D là người xây dựng căn nhà một phần diện tích nằm trên thửa đất số 286B, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 561912 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 07/5/2010, do nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp nêu trên, đồng thời ngày 26/9/2018 ông D có đơn trình bày không có tranh chấp về tài sản với các bên có liên quan và đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền tạm ứng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) do nguyên đơn tạm ứng. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 229; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với quyền sử dụng 01 lô đất thửa đất số 286B, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 561912 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/5/2010 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/03A/NHNT ngày 22/3/2017.

2. Buộc vợ chồng ông Lê Đình Q, bà Trần Thị Kim L phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP N thông qua Chi nhánh tỉnh GL, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (**16/10/2018**) tổng cộng là 3.575.195.992 đồng (ba tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi và lãi phạt là 275.195.992 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (**16/10/2018**) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp vợ chồng ông Lê Đình Q, bà Trần Thị Kim L không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/03A/NHNT ngày 22/3/2017 bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất đối với 03 lô đất tờ bản đồ số 08, 20 và 156 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 191102; AL 690819 và AN 581140 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/3/2005; 18/01/2008 và 30/3/2009, vị trí đất tại thôn 1, xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

+ Quyền sử dụng đất đối với 01 lô đất tờ bản đồ số 20; thửa số 286A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W762018 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/7/2003 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, vị trí đất tại thôn 1, xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền tạm ứng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) do nguyên đơn tạm ứng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ nên được khấu trừ.

5. Về án phí:

- Buộc vợ chồng ông Lê Đình Q, bà Trần Thị Kim L phải liên đới chịu 103.503.919 đồng (một trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ ba nghìn chín trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng ông Q, bà L chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP N thông qua Chi nhánh tỉnh GL 22.689.800 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002096 ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đào Minh Chính